



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **113** /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày **10** tháng **01** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức giữ lại
tiếp tục sử dụng đối với 36 cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 82/STC-QLGCS ngày 06/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức giữ lại tiếp tục sử dụng đối với 36 cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai; chi tiết cụ thể như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Cơ quan, đơn vị có cơ sở nhà, đất được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã, phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Bắc, Tuy Phước Đông, Bình Phú, Tây Sơn, Canh Vinh, Vạn Đức, Hoài Ân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP TH;
- Lưu: VT, T4. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ THEO HÌNH THỨC GIỮ LẠI TIẾP TỤC SỬ DỤNG
ĐỐI VỚI 36 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 03/2025/NĐ-CP
(Kèm theo Quyết định số 713 /QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
A	KHỐI TỈNH									
I	Sở Giáo dục và Đào tạo									
1	Trường THPT Bùi Thị Xuân									
1.1	Lô đất CCĐT-2.11 khu quy hoạch phía tây trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, phường Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	15.566,9	1.741,8	4.942,2	Không có số liệu	Tường rào, Cổng ngõ, Bể nước ngầm, Sân đường nội bộ	Giấy CNQSD đất số AA00560060 ngày 25/03/2025	cơ sở giáo dục và đào tạo	01 ngôi nhà 3 tầng bố trí phòng học và phòng chức năng; 01 nhà bảo vệ; 01 nhà đặt máy bơm	Giữ lại tiếp tục sử dụng
2	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang									
2.1	Cơ sở giáo dục tại thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến, tỉnh Gia Lai	18.084,0	1.869,0	5.109,0	Không có số liệu	Tường rào, Cổng ngõ, Bể nước ngầm, Sân đường nội bộ	QĐ số 3023/QĐ-UBND ngày 13/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	cơ sở giáo dục và đào tạo	01 ngôi nhà 3 tầng bố trí phòng học và phòng chức năng; 01 nhà bảo vệ; 01 nhà đặt máy bơm; 01 nhà xe giáo viên	Giữ lại tiếp tục sử dụng

STT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
II	Sở Nông nghiệp và Môi trường									
1	Chi cục Chăn nuôi và Thú y									
1.1	Trạm Kiểm dịch động vật Đông Gia Lai (Tổ 5, khu phố 8, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai)	1.084,5	245,3	245,3	Không có số liệu	Tường rào, cổng ngõ, Sân đường nội bộ	GCNQSDĐ số CV 928144 ngày 07/8/2020	Trạm kiểm dịch động vật Cù Mông	01 ngôi nhà làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng
2	Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn									
2.1	Trạm bảo vệ rừng Tây Giang (thôn Nam Giang, xã Bình Khê)	500,0	69,0	69,0	Không có số liệu	Tường rào, cổng ngõ	GCNQSDĐ số CL 018298 ngày 29/10/2018	Trạm quản lý bảo vệ rừng	01 ngôi nhà làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng
2.2	Trạm Bảo vệ rừng Tây Xuân (thôn Đồng Sim, xã Tây Sơn)	200,0	57,4	57,4	Không có số liệu	Tường rào, cổng ngõ	GCNQSDĐ số CG 134319 ngày 15/3/2017	Trạm quản lý bảo vệ rừng	01 ngôi nhà làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng
B	KHỐI XÃ, PHƯỜNG									
I	Phường Quy Nhơn									
1	UBND Phường Quy Nhơn									
1.1	Nhà mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 1, hẻm 17 Hàn Thuyên	82,5	82,5	120,0	Không có số liệu	Tường rào, Cổng ngõ,	Trích lục bản đồ địa chính thửa số 162, tờ bản đồ số 17	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng

STT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.2	Nhà mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 2, số 10 Cư xá Bạch Đằng	105,2	86,0	86,0	Không có số liệu	Tường rào, Cổng ngõ,	Trích lục bản đồ địa chính thửa số 444, tờ bản đồ số 9	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.3	Nhà mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 3, số 86 đường Bạch Đằng	71,5	71,5	71,5	Không có số liệu	Tường rào, Cổng ngõ,	Trích lục bản đồ địa chính thửa số 116, tờ bản đồ số 18	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.4	Khu sinh hoạt nhân dân khu vực 7, số 74 đường Xuân Diệu	66,1	66,1	120,0	Không có số liệu	Tường rào, Cổng ngõ,	Giấy chứng nhận số CT16334	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.5	Nhà mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 8, số 02A đường Trần Hưng Đạo	150,0	150,0	150,0	Không có số liệu	Tường rào, Cổng ngõ,		Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.6	Nhà mẫu giáo kết hợp khu SHND Tổ 49, KP9, Hải Minh	175,5	175,5	179,2	Không có số liệu		Trích lục bản đồ địa chính thửa số 139, tờ bản đồ số 50	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.7	Nhà mẫu giáo kết hợp khu SHND khu vực 10, số 01 đường Ngô Gia Khảm	300,0	300,0	300,0	Không có số liệu	Tường rào, Cổng ngõ,		Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng

STT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Trường THCS Đồng Đa									
2.1	Cơ sở 2 - số 13 đường Hoàng Minh Thảo	7.493,4	590,7	1.662,7	Không có số liệu	Tường rào, Cổng ngõ, Sân bê tông	QĐ số 11430/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	Hoạt động giáo dục	01 ngôi nhà làm phòng học, 01 nhà vệ sinh học sinh, 01 nhà xe học sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng
II	Phường Quy Nhơn Nam									
1	UBND Phường Quy Nhơn Nam									
1.1	Trạm y tế phường, 450 đường Nguyễn Thái Học	884,9	340,0	340,0	Không có số liệu	Không có	Giấy CN số BU625695	Cơ sở y tế	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.2	Nhà Sinh hoạt nhân dân khu phố 4, 372/26 Tây Sơn	88,0	48,0	48,0	Không có số liệu	Không có	Không có	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.3	Nhà sinh hoạt thanh thiếu niên, Tổ 37, khu phố 29	2.389,0	90,0	90,0	Không có số liệu	Không có	Không có	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
III	Phường Quy Nhơn Bắc									
1	UBND Phường Quy Nhơn Bắc									

STT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.1	Nhà mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 4 (Nhơn phú cũ)	673,0	184,0	184,0	Không có số liệu	Tường rào cổng ngõ	Trích lục bản đồ địa chính thửa số 30 và 1 phần thửa 29, tờ bản đồ số 23	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.2	Nhà mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 5 (Nhơn phú cũ)	603,0	134,0	134,0	Không có số liệu	Sân bê tông, tường rào cổng ngõ	Trích lục bản đồ địa chính 1 phần thửa số 287, tờ bản đồ số 27	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.3	Nhà mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 7(Nhơn phú cũ)	662,0	103,0	103,0	Không có số liệu	Tường rào cổng ngõ	Trích lục bản đồ địa chính thửa số 51, tờ bản đồ số 41	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.4	Khu sinh hoạt nhân dân khu vực 8 (Nhơn phú cũ)	240,0	131,0	131,0	Không có số liệu	Sân bê tông, tường rào cổng ngõ	Trích lục bản đồ địa chính số 49 ,1 phần số thửa 135,136,137	Trụ sở	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.5	Khu sinh hoạt nhân dân tổ 3, khu vực 2 (Trần Quang Diệu cũ)	485.5	143,0	143,0	Không có số liệu	Sân bê tông, tường rào cổng ngõ	Giấy CN số CT03133	Trụ sở	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.6	Nhà mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 5 (Trần Quang Diệu cũ)	549,0	161,0	161,0	Không có số liệu	Tường rào cổng ngõ	Giấy CN số CT03425	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng

STT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.7	Nhà mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 6 (Trần Quang Diệu cũ)	1.287,0	160,0	160,0	Không có số liệu	Tường rào cổng ngõ	Giấy CN số CT03169	Mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
IV	Phường Quy Nhơn Đông									
1	UBND phường Quy Nhơn Đông									
1.1	Trụ sở sinh hoạt nhân dân Tổ 43 Khu phố 6, phường Nhơn Bình cũ	201,0	99,0	99,0	Không có số liệu	Tường rào cổng ngõ	Không có	Trụ sở	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.2	Trụ sở sinh hoạt nhân dân Tổ 62 Khu phố 7, phường Nhơn Bình cũ	573,0	166,0	166,0	Không có số liệu	Tường rào cổng ngõ	Không có	Trụ sở	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
V	Phường Quy Nhơn Tây									
1	UBND phường Quy Nhơn Tây									
1.1	Trụ sở sinh hoạt nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 1, phường Bùi Thị Xuân cũ	62,3	54,1	54,1	Không có số liệu	Trường rào, cổng ngõ, sân bê tông	Không có	Trụ sở	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.2	Trụ sở sinh hoạt nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 3, phường Bùi Thị Xuân cũ	457,3	150,0	150,0	Không có số liệu	Trường rào, cổng ngõ, sân bê tông	Giấy CN số CT15222	Trụ sở	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.3	Trụ sở sinh hoạt nhân dân khu phố 4, phường Bùi Thị Xuân cũ	240,5	151,7	151,7	Không có số liệu	Trường rào, cổng ngõ, sân bê tông	Không có	Trụ sở	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.4	Trạm y tế phường, khu phố 5, phường Bùi Thị Xuân cũ	1.232,2	380,4	380,4	Không có số liệu	Trường rào, cổng ngõ, sân bê tông	Không có	Cơ sở y tế	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng

STT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
VI	Xã Tuy Phước Đông									
1	Trường Mầm non Phước Sơn									
1.1	Cụm Mỹ Cang (mới	3.983,6	330,0	660,0	Không có số liệu	Tường rào, sân trường	Chưa có Giấy chứng nhận QSD đất	Cơ sở giáo dục	Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
VII	Xã Bình Phú									
1	UBND xã Bình Phú									
1.1	Trung tâm Văn hóa thể thao xã tại thôn Hòa Trung, xã Bình Phú	8.264,70	1.364,40	1.364,40	Không có số liệu	Sân bê tông; Tường rào, cổng ngõ; Sân bóng đá mini	Chưa có Giấy chứng nhận QSD đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	02 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1.2	Trung tâm thể thao xã, tại thôn Phú Thịnh	14.200,0	0,0	0,0	Không có số liệu	Tường rào, cổng ngõ; khán đài	Chưa có Giấy chứng nhận QSD đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	không có nhà trên đất	Giữ lại tiếp tục sử dụng
VIII	Xã Tây Sơn									
1	Trường Mầm non Phú Phong									
1.1	Điểm trường tại đường Đô Đốc Lân, Xã Tây Sơn	10.384,3	2.077,8	3.770,8	Không có số liệu	Sân bê tông; Tường rào, cổng ngõ, bể nước ngầm	Chưa có Giấy chứng nhận QSD đất	Cơ sở giáo dục	4 ngôi nhà trên đất gồm: 2 dãy phòng học, phòng chức năng, 1 nhà bếp 1 chiều và 1 nhà đặt máy bơm	Giữ lại tiếp tục sử dụng
IX	Xã Canh Vinh									

STT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Trường Mẫu giáo Canh Hiệp									
1.1	Điểm trường tại Thôn 4, Xã Canh Vinh	5.983,0	798,4	1.287,8	Không có số liệu	Sân bê tông; Tường rào, cổng ngõ	Giấy CNQSD đất số CT10228 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 20/12/2019	Cơ sở giáo dục	04 phòng học, Nhà ăn, Nhà bếp, Khu vệ sinh; Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng
X	Xã Vạn Đức									
1	Trường Mầm non Ân Tín									
1.1	Điểm trường Khu C Vĩnh Đức	2.000,0	245,3	245,3	Không có số liệu	Tường rào, cổng, ngõ	Không có	Cơ sở giáo dục	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng
XI	Xã Hoài Ân									
1	Trường Mầm non Ân Đức									
1.1	Điểm trường tại thôn Phú Thuận, xã Hoài Ân	2.535,8	346,0	346,0	Không có số liệu	Không có	Chưa có Giấy CNQSD đất	Cơ sở giáo dục	01 ngôi nhà	Giữ lại tiếp tục sử dụng